

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2021/DS-ST**

Ngày: 23/4/2021

V/v: “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Bà Trần Thị Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2020/TLST-DS, ngày 24/11/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐST-DS, ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Vương Thị H**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Vợ chồng ông **Lâm Thanh Th**, sinh năm 1969

Bà **Đặng Thị R**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà 42 Ngõ Sĩ L, khu phố S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2020, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Vương Thị H trình bày:

Vì là chỗ quen biết nên bà có cho vợ chồng ông Lâm Thanh Th bà Đặng Thị R vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 15/02/2019 (Âm lịch) bà có cho vợ chồng ông Lâm Thanh Th bà Đặng Thị R vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận,

không có thời hạn trả nợ, mục đích vay là để mua bán cá. Việc giao nhận tiền được giao dịch tại quán Cà phê V, Cầu N, M, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 30/02/2019 (Âm lịch) bà tiếp tục cho vợ chồng bà R ông Th vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận, không có thời hạn trả nợ, mục đích vay là để mua bán cá. Việc giao nhận tiền tại Cảng cá thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Vì là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên hai bên không có làm giấy tờ.

Tổng cộng bà có cho vợ chồng bà R ông Th vay tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Trong khoảng thời gian vay mượn vợ chồng bà R ông Th đã trả tiền lãi cho bà đầy đủ.

Đến tháng 4 năm 2020 (Âm lịch) vợ chồng Th, R có đến nhà bà tại thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Bình Thuận trả tiền gốc 230.000.000 đồng còn nợ số tiền 70.000.000 đồng và hẹn đến tháng 8 năm 2020 sẽ trả dứt điểm nhưng sau đó đến hẹn không có trả dù bà đã nhiều lần yêu cầu nên buộc bà phải khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Việc vợ chồng ông Th và bà R khai rằng ngày 15/02/2019 (Âm lịch) sau khi giao tiền cho vợ chồng bà R ông Th xong bà về nhà thì có bà Nguyễn Thị H1 là em chồng của bà có tới lấy của vợ chồng bà R ông Th số tiền 20.000.000 đồng và ngày 30/02/2019 (Âm lịch) sau khi bà giao tiền tại cảng cá cho vợ chồng bà R ông Th xong bà về thì bà Nguyễn Thị H1 lại tới lấy của vợ chồng bà R ông Th số tiền 50.000.000 đồng, việc bà H1 em chồng bà có tới lấy của vợ chồng bà R hai lần tổng số tiền 70.000.000 đồng do tưởng bà cho bà H1 vay tiền thì bà không biết vì bà không cho bà H1 vay tiền.

Theo đơn khởi kiện thì bà yêu cầu vợ chồng bà R ông Th phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 70.000.000 đồng và tiền lãi thỏa thuận là 20.000.000 đồng nhưng tại giai đoạn hòa giải và phiên tòa hôm nay, bà chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong giải quyết buộc vợ chồng bà R, ông Th phải có trách nhiệm hoàn cho bà số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn vợ chồng ông Lâm Thanh Th và Đặng Thị R tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, bà R, ông Th trình bày:

Vì là chỗ quen biết và cần vốn làm ăn nên vợ chồng ông bà có vay tiền của bà Vương Thị H cụ thể như sau:

Ngày 15/02/2019 (Âm lịch), vợ chồng ông bà có vay của bà Vương Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận không có thời hạn trả nợ, mục đích vay là để mua bán cá. Bà H giao tiền cho vợ chồng ông bà tại quán Cà phê V, Cầu N, M, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Sau khi bà H về nhà có bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận đến, bà H1 là em chồng của bà H và thông qua bà H1 thì vợ chồng ông bà mới quen biết bà H. Bà H1 nói bà H cho bà mượn 20.000.000 đồng vì tưởng thật nên vợ chồng ông bà có đưa lại cho bà H1 20.000.000 đồng, thực chất vợ chồng ông bà chỉ nhận 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Ngày 30/02/2019 (Âm lịch), vợ chồng ông bà có vay thêm của bà Vương Thị H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận không có thời hạn trả nợ, mục đích vay là để mua bán cá. Bà H và vợ chồng ông bà giao

nhận tiền tại Cảng cá thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi bà H về nhà thì có bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận lại đến. Bà H1 nói bà H cho bà mượn 50.000.000 đồng vì tưởng thật nên vợ chồng ông bà có đưa lại cho bà H1 50.000.000 đồng, thực chất vợ chồng ông bà chỉ nhận 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Vì là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên khi vay tiền bà H và vợ chồng ông bà không có làm giấy tờ.

Vợ chồng ông bà chỉ vay của bà Vương Thị H số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), bà Nguyễn Thị H1 là người vay bà H 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Trong khoảng thời gian vay mượn vợ chồng ông bà đã trả lãi cho bà H đầy đủ, việc trả tiền lãi cho bà H thì vợ chồng ông bà không có yêu cầu Tòa án tính toán nữa coi như đã trả xong tiền lãi.

Đến tháng 4 năm 2020 (Âm lịch) vợ chồng ông bà đem số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) đến nhà bà Vương Thị H tại thôn C, A, huyện B, tỉnh Bình Thuận trả dứt điểm số tiền gốc 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) nên vợ chồng ông bà đã trả xong số nợ cho bà H. Còn bà Nguyễn Thị H1 mới là người vay bà H số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Tại giai đoạn hòa giải, vợ chồng ông bà xác nhận có vay của bà Vương Thị H số tiền 300.000.000 đồng nhưng sau hai lần vay thì vợ chồng ông bà đã đưa lại cho bà H1 số tiền là 70.000.000 đồng. Như vậy là vợ chồng ông bà vay bà H số tiền 230.000.000 đồng không phải số tiền 300.000.000 đồng như bà H trình bày và vợ chồng ông bà đã trả xong cho bà H khoản nợ vay 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) nên vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị H yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa hôm nay vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà Vương Thị H với điều kiện bà Nguyễn Thị H1 trả cho vợ chồng ông bà 70.000.000 đồng còn nếu bà H1 không trả 70.000.000 đồng thì vợ chồng ông bà không đồng ý trả nợ cho bà H số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Vương Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Vợ chồng bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vương Thị H buộc vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th phải trả cho bà Vương Thị H số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Về án phí: Vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th có nơi cư trú tại: số nhà 42 Ngõ Sĩ L, khu phố S, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Vương Thị H và bị đơn vợ chồng bà Đặng Thị R ông Lâm Thanh Th đều khẳng định giữa hai bên có diễn ra việc vay mượn tiền và trả lãi số tiền vay nên xác định đây là việc kiện “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” quan hệ trên được pháp luật dân sự điều chỉnh quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Vương Thị H có cho vợ chồng bà Đặng Thị R ông Lâm Thanh Th vay hai lần tiền:

Ngày 15/02/2019 (Âm lịch) bà có cho vợ chồng ông Lâm Thanh Th bà Đặng Thị R vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và ngày 30/02/2019 (Âm lịch) bà tiếp tục cho vợ chồng bà R ông Th vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tổng cộng vợ chồng bà R ông Th vay của bà Vương Thị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Vì là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên hai bên không có làm giấy tờ. Vợ chồng bà R ông Th đã trả cho bà số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) còn nợ số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) bà Vương Thị H yêu cầu vợ chồng bà Đặng Thị R ông Lâm Thanh Th phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Vợ chồng bà R và ông Th không đồng ý với yêu cầu của bà H.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/12/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/01/2021 và Biên bản đối chất ngày 15/01/2021. Bị đơn vợ chồng bà Đặng Thị R ông Lâm Thanh Th đều thừa nhận có vay và nhận tiền của nguyên đơn bà Vương Thị H, cụ thể:

Ngày 15/02/2019 (Âm lịch), vợ chồng ông bà có vay của bà Vương Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), vợ chồng ông bà có nhận tiền tại quán Cà phê Vườn X, Cầu N, M, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 30/02/2019 (Âm lịch), vợ chồng ông bà vay tiếp của bà Vương Thị H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), vợ chồng ông bà có nhận tiền tại Càng cá thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc hai bên xác lập hợp đồng vay tài sản không có giấy tờ thể hiện và cũng không có nhân chứng nhưng căn cứ lời khai của các đương sự

khẳng định vợ chồng bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th có vay bà Vương Thị H số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và đã nhận đủ tiền. Đây là, tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Như vậy có cơ sở khẳng định vợ chồng bà Rót ông Th vay của bà H hai lần tổng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), sau khi vay đã trả được 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) còn lại tiền gốc chưa trả là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Vợ chồng bà Đặng Thị R, ông Lâm Thanh Th cho rằng sau khi bà H giao tiền xong thì có bà Nguyễn Thị H1 trú tại: khu phố Xuân Giang 02, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong đến nói với vợ chồng bà Rót rằng bà H cho bà H1 vay tiền nên tưởng thật đã đưa cho bà H1 hai lần với số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 15/02/2019 (Âm lịch) và số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 30/02/2019 (Âm lịch). Thực tế vợ chồng bà R ông Th chỉ nhận của bà H 230.000.000 đồng còn 70.000.000 là bà H1 vay của bà H.

Việc vợ chồng bà R ông Th đưa cho bà H1 số tiền 70.000.000 đồng không ai làm chứng, vợ chồng bà R ông Th không thông báo cho bà H biết việc bà H1 mượn số tiền 70.000.000 đồng trong tổng số tiền 300.000.000 đồng. Bà H cũng không thừa nhận cho bà H1 vay số tiền 70.000.000 đồng. Qua xác minh tại khu phố X, thị trấn P không có ai tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của vợ chồng bà R, ông Th là không có chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận.

Bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th đã nhận đủ tài sản nhưng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự.

Về phần lỗi suất: Các bên đương sự trong vụ án không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi số tiền khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R, ông Lâm Thanh Th phải trả cho bà Vương Thị H số tiền là 70.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R, ông Lâm Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th.

Buộc vợ chồng bị đơn bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Vương Thị H số tiền là **70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng)**.

Về án phí: Vợ chồng bà Đặng Thị R và ông Lâm Thanh Th phải chịu án phí là 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009191, ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền phải trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả, tức bằng 10%/năm của số tiền thi hành án.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh